

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2024

V/v Tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: Bà Phạm Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 556/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ngọc Q, sinh năm 1995; trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Lê Tuấn V, sinh năm 1986; trú tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Các bên đương sự có mặt tại Tòa,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16-9-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc Q trình bày:

Chị Q và anh Lê Tuấn V chung sống với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, có nhiều nguyên nhân, anh chị không cùng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung và không nói chuyện với

nhau, anh V thường xuyên uống rượu về nhà gây chuyện với vợ con, không lo cho gia đình. Mỗi khi anh V nhậu xỉn về thì cả nhà sợ, la lối xúc phạm chị Q rất nhiều, không sống được chị Q bỏ đi qua nhà mẹ dâu sống ly thân từ tháng 12-2023 đến nay. Nay tình cảm không còn chị Q xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 19-01-2014 và Lê Minh N, sinh ngày 06-7-2020. Hiện các con chung đang sống với mẹ, chị Q xin nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Tuấn V trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về thời gian chung sống và kết hôn. Về mâu thuẫn của vợ chồng là do anh đã làm sai với vợ con, nay biết lỗi hứa khắc phục mọi việc, chỉ mong gia đình đoàn tụ, còn thương vợ con không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị Q trình bày là đúng. Không yêu cầu giải quyết con chung. Nếu Tòa cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho vợ nuôi, đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại phiên Tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc Q đối với anh Lê Tuấn V.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 19-01-2014 và Lê Minh N, sinh ngày 06-7-2020. Hiện con chung đang sống với mẹ, chị Q xin nuôi 02 con chung có sự đồng ý của con chung Ngọc T1 nên cần giao 02 con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, việc cấp dưỡng

được thực hiện từ tháng 01-2025 cho đến khi 02 con chung trưởng thành tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung, nợ chung, chị Q, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Q phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Anh V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Q anh V có mặt tại Tòa. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Lê Tuấn V chung sống với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và không nói chuyện với nhau, anh V thường uống rượu về nhà la chưởi vợ con, không lo cho gia đình. Mỗi khi anh V nhậu xỉn về thì cả nhà sợ, hành động la lối xúc phạm chị Q rất nhiều, không sống được chị Q bỏ đi, qua nhà mẹ dâu sống, vợ chồng ly thân từ tháng 12-2023 đến nay. Nay tình cảm không còn chị Q xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự đồng hành, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị Q, anh V không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không giúp đỡ công việc gia đình, chăm lo các con, sống không hạnh phúc. Hiện chị Q không còn tình cảm với anh V, không thương yêu nhau, chị Q đã có cuộc sống riêng cho mình ổn định, anh chị đã sống ly thân hơn 1 năm nay, không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng nên yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có căn cứ chấp nhận.

Anh V trình bày mâu thuẫn của vợ chồng là do anh đã làm sai với vợ, khi vợ bỏ đi, trải qua thời gian xa vợ anh mới hiểu được cuộc sống gia đình bên vợ con là rất cần với anh, nhiều lần anh đến năn nỉ vợ và gia đình vợ nhưng không được, anh còn thương vợ con nhiều, anh sẽ sửa đổi những sai trái của anh và có trách nhiệm với gia đình vợ con, anh không đồng ý ly hôn. Anh V xin đoàn tụ nhưng khoảng thời gian chị Q bỏ nhà về chung sống với gia đình của chị anh V cũng không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tình cảm của chị Q không còn, không thể chung sống được nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của anh V.

Từ phân tích trên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 19-01-2014 và Lê Minh N, sinh ngày 06-7-2020. Hiện các con chung đang sống với mẹ, chị Q xin nuôi các con chung, có ý kiến đồng ý của con chung Ngọc T1, anh V đồng ý giao các con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng nên giao các con chung cho chị Q nuôi dưỡng là phù hợp. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng nên ghi nhận. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 01/2025 cho đến khi các con chung trưởng thành tự lao động sinh sống được.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Q, anh V phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 và 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc Q đối với anh Lê Tuấn V. Chị Trương Thị Ngọc Q được ly hôn với anh Lê Tuấn V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 19-01-2014 và Lê Minh N, sinh ngày 06-7-2020 cho chị Trương Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng nên ghi nhận. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 01/2025 cho đến khi các con chung trưởng thành tự lao động sinh sống được.

Anh V được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Q, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009731 ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, chị Q đã nộp đủ án phí.

Anh V phải chịu nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày **toà tuyên án./.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cái Thị Minh Tâm